

HOÀN THIỆN CƠ CHẾ HỘI THẨM NHÂN DÂN THAM GIA HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ TẠI TOÀ ÁN, GÓP PHẦN XÂY DỰNG NỀN TƯ PHÁP ĐỘC LẬP Ở VIỆT NAM

CHU THỊ THÚY HẰNG *

Tóm tắt: Đại diện nhân dân tham gia trực tiếp vào quá trình xét xử là nguyên tắc thể hiện rõ nét nhất bản chất dân chủ của một nền tư pháp tiến bộ. Nhân dân tham gia hoạt động xét xử của toà án ở Việt Nam được thể hiện tập trung nhất thông qua chế định về hội thẩm nhân dân. Bài viết phân tích triết lý về sự tham gia của đại diện nhân dân trong hoạt động xét xử tại toà án, mối quan hệ giữa cơ chế nhân dân tham gia hoạt động xét xử tại toà án và các nguyên tắc cơ bản của tư pháp độc lập; phân tích những bất cập của các quy định pháp luật cũng như việc thực hiện chế định hội thẩm nhân dân trên thực tế; từ đó, đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện cơ chế nhân dân tham gia hoạt động xét xử tại toà án thông qua chế định hội thẩm, góp phần xây dựng nền tư pháp độc lập ở Việt Nam.

Từ khoá: Nhân dân tham gia xét xử; hội thẩm nhân dân; tư pháp độc lập

Nhận bài: 10/6/2023

Hoàn thành biên tập: 31/01/2024

Duyệt đăng: 31/01/2024

IMPROVING THE MECHANISM FOR PEOPLE'S ACCESSORS PARTICIPATING IN COURTS' TRIAL ACTIVITIES, CONTRIBUTING TO AN INDEPENDENT JUDICIARY IN VIETNAM

Abstract: The principle of people's accessors participating directly in the adjudication process demonstrates most clearly the democratic nature of a progressive judiciary. People's participation in courts' adjudication activities is shown through the institution of people's accessors. The article analyses the philosophy behind the participation of the people's representatives in adjudication activities at courts and the relationship between its mechanism and the basic principles of an independent judiciary. At the same time, the article analyses the inadequacies of these legal provisions and the implementation of people's accessors in practice. From there, the author proposes some recommendations for improving the mechanism for the people to participate in courts' activities through the institution of people's accessors and contributing to an independent judiciary in Vietnam.

Keywords: People's participation in trial; People's accessors; independent judiciary

Received: 10 June 2023; Editing completed: 31 January 2024; Accepted for publication: 31 January 2024

Đặt vấn đề

Trên cơ sở tổng kết lý luận và thực tiễn công phu, nhất là tổng kết quá trình thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược

xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 và các chủ trương có liên quan, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII đã thông qua Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày

* Tiến sĩ, Viện Quyền con người
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
E-mail: chuhang2610@gmail.com

09/11/2022 về “tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới” (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 27). Nghị quyết xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm đến năm 2030 là: “*Hoàn thành cơ bản việc xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, bảo vệ công lí, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân*”, với nhiệm vụ trọng tâm “*đẩy mạnh cải cách tư pháp, bảo đảm tính độc lập của toà án theo tầm quyền xét xử, thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*”.

Để thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết số 27 đề ra, toà án có nhiệm vụ quan trọng vì toà án là cơ quan giữ vị trí “trung tâm” trong hệ thống các cơ quan tư pháp, nơi thể hiện kết quả hoạt động cuối cùng của hệ thống tư pháp. Để xây dựng một nền tư pháp độc lập, “phụng công, thủ pháp, chí công, vô tư”, bảo vệ công lí, bảo vệ quyền con người và quyền công dân theo tinh thần Hiến pháp năm 2013 thì việc cải cách, đổi mới hoạt động của toà án nhân dân nói chung, hoạt động của hội thẩm nói riêng cần phải được tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện, góp phần giữ vững ổn định xã hội, tăng cường hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước mà các nghị quyết của Đảng đề ra.

1. Triết lí về sự tham gia của đại diện nhân dân trong hoạt động xét xử tại toà án

Đại diện nhân dân tham gia trực tiếp vào

quá trình xét xử là một nguyên tắc thể hiện rõ nét nhất bản chất dân chủ của một nền tư pháp tiến bộ, theo đó mọi hoạt động của nhà nước đều có sự tham gia tích cực của nhân dân, đều đặt dưới sự kiểm tra, giám sát của nhân dân¹. Nhân dân tham gia hoạt động xét xử của toà án được thể hiện tập trung nhất thông qua chế định về hội thẩm nhân dân. Chế định này phản ánh sâu sắc tư tưởng “lấy dân làm gốc” với nguyên tắc thực hiện quyền lực nhân dân trong hoạt động xét xử của toà án. Điều này được khẳng định trong các bản Hiến pháp của Việt Nam. Ngay từ bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà - Hiến pháp năm 1946, nguyên tắc đại diện nhân dân tham gia xét xử đã được ghi nhận: “*Trong khi xét xử việc hình phạt có Phụ thẩm nhân dân để tham gia ý kiến nếu là việc tiểu hình, hoặc cùng quyết định với thẩm phán nếu là việc đại hình*” (Điều 65). Tên gọi Hội thẩm được dùng lần đầu tiên trong Sắc lệnh số 45/SL ngày 05/7/1947 về tổ chức các toà án binh trên toàn cõi Việt Nam: “*Mỗi toà án binh gồm một chánh án ngồi xử và hai hội thẩm*”. Như vậy, trong những năm tháng đầu tiên của chính quyền cách mạng còn non trẻ, chế định hội thẩm đã được hình thành. Trải qua các lần sửa đổi Hiến pháp, nguyên tắc “*xét xử sơ thẩm của toà án nhân dân có hội thẩm*

¹ Trần Thị Thu Hằng (2018), “Nguyên tắc thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật - Thực tiễn thực hiện và kiến nghị”, *Tạp chí Toà án nhân dân điện tử*, <https://tapchitoaan.vn/nguyen-tac-tham-phan-hoi-tham-xet-xu-doc-lap-va-chi-tuan-theo-phap-luat-thuc-tien-thuc-hien-va-kiem-nghi>, truy cập 29/01/2024.

tham gia” luôn được khẳng định như một phương thức để nhân dân trực tiếp tham gia và giám sát hoạt động xét xử của toà án. Điều thể hiện bản chất Nhà nước ta là “*nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân...; do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân*” (khoản 1, khoản 2 Điều 2 Hiến pháp năm 2013). Theo quy định của Hiến pháp năm 2013 (Điều 103) và Luật Tổ chức toà án nhân dân năm 2014 (Điều 8, Điều 9) thì việc xét xử sơ thẩm của toà án nhân dân có hội thẩm tham gia; thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Như vậy, thực hiện chế độ xét xử có sự tham gia của nhân dân thông qua chế độ hội thẩm và địa vị pháp lí của hội thẩm khi xét xử độc lập với thẩm phán chỉ tuân theo pháp luật là nguyên tắc hiến định xuyên suốt và có ý nghĩa quan trọng trong thực tiễn xét xử của toà án.

Sự hiện diện của nhân dân trong việc tham gia xét xử tại toà án đã khẳng định nhân dân có thể tham gia tích cực và hiệu quả vào hoạt động tư pháp, đảm bảo cho các giá trị bất biến của hệ thống tư pháp được thực hiện: đó là xác định sự thật, bảo vệ công lí, bảo vệ quyền con người trên cơ sở các giá trị chung của cộng đồng và nguyên tắc độc lập xét xử. Điều đó góp phần bảo đảm cho các phán quyết của thẩm phán được đưa ra trên cơ sở các quy định của pháp luật, đồng thời được hỗ trợ bởi những giá trị xã hội, cộng đồng với những quan điểm về chuẩn mực đạo đức, hành vi của xã hội – những điều mà pháp luật chưa thể ghi nhận

kịp thời và đầy đủ. Có như vậy, phán quyết của toà án mới đạt tới công lí, hướng tới mục tiêu bảo vệ công lí, vì công lí không chỉ là công bằng trên cơ sở pháp luật mà còn là lẽ phải và đạo đức xã hội. Thẩm phán chủ tọa phiên toà sơ thẩm là công chức tư pháp chuyên nghiệp. Tuy nhiên, họ không thể có kiến thức sâu rộng đối với tất cả các ngành nghề hay lĩnh vực của đời sống xã hội. Vì vậy, hội thẩm nhân dân với thành phần từ nhiều lĩnh vực xã hội sẽ bổ sung kiến thức xã hội và kiến thức chuyên môn cần thiết cho thẩm phán, khiến các phán quyết của toà được trở nên toàn diện, chính xác và khách quan hơn. Theo thống kê của Toà án nhân dân tối cao, tính đến ngày 10/10/2023, toà án nhân dân các cấp hiện có 16.783 hội thẩm nhân dân, trong đó có 10.590 nam (tỉ lệ 63,11%), 6.193 nữ (tỉ lệ 36,90%); 2.136 hội thẩm là người dân tộc thiểu số (tỉ lệ 12,72%); 4.216 hội thẩm có trình độ chuyên môn pháp lí (tỉ lệ 25,12%); 12.747 hội thẩm là cán bộ đương chức (tỉ lệ 75,95%); 8.765 hội thẩm được tái cử (tỉ lệ 52,22%)². Trong nhiệm kì 2016 - 2021, hội thẩm nhân dân đã tham gia xét xử sơ thẩm 998.257 vụ án; bình quân mỗi hội thẩm nhân dân tham gia xét xử 70,8 vụ án/nhiệm kì³. Đó là những con số khẳng định vai trò ngày càng quan trọng của hội thẩm nhân dân tham gia trong các hoạt động xét xử của toà án.

² Toà án nhân dân tối cao, Báo cáo phục vụ kì họp thứ 6 Quốc hội Khoá XV ngày 10/10/2023, tr. 3.

³ Nguyễn Hoà Bình (2022), *Đổi mới và hoàn thiện cơ chế nhân dân tham gia xét xử tại toà án, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Nxb. Chính trị Quốc gia-Sự thật, Hà Nội, tr. 44.

Như vậy, sự tham gia của nhân dân trong hoạt động xét xử tại toà án dựa trên triết lí toà án là cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp - một nhánh quyền lực nhà nước. Nhà nước được chuyển giao quyền lực từ nhân dân thông qua “khế ước xã hội”, theo đó nhân dân đánh đổi quyền tự do tự nhiên để trở thành công dân của nhà nước⁴. Vì thế, đổi lại, Nhà nước phải có trách nhiệm bảo vệ người dân. Vai trò của hội thẩm nhân dân trong hoạt động xét xử tại toà án thể hiện là người đại diện cho nhân dân tham gia xét xử các vụ án; thực hiện chức năng giám sát hoạt động xét xử từ phía xã hội và là cầu nối giữa toà án và xã hội. Điều đó giúp nhân dân thực hiện quyền giám sát, tham gia và đưa ra ý kiến của mình; đồng thời bảo đảm cho toà án thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, củng cố niềm tin của người dân và xã hội đối với công tác toà án, hướng tới xây dựng nền tư pháp thân thiện, gần gũi với nhân dân.

2. Môi quan hệ giữa cơ chế nhân dân tham gia hoạt động xét xử tại toà án và các nguyên tắc cơ bản của tư pháp độc lập

Độc lập tư pháp là một nội dung trọng tâm, được ghi nhận chính thức trong Hiến pháp và pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới. Tư pháp độc lập được hiểu là toà án độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Cơ quan

tư pháp phải quyết định các vấn đề trước họ một cách khách quan, dựa trên sự thật và phù hợp với pháp luật, không có bất kì hạn chế, tác động, xúi giục, áp lực, đe dọa hoặc can thiệp không phù hợp nào, trực tiếp hoặc gián tiếp, từ bất kì bên nào hoặc vì bất kì lí do nào⁵.

Cơ chế nhân dân tham gia xét xử tại toà án và các nguyên tắc của tư pháp độc lập có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, thể hiện ở những nội dung sau:

Nguyên tắc thứ nhất: Khi xét xử, thẩm phán và hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

Nguyên tắc độc lập xét xử của hội thẩm nhân dân được pháp luật quy định các đảm bảo về mặt tổ tụng, thể hiện ở những điểm sau:

- Khi xét xử, hội thẩm ngang quyền với thẩm phán;

- Khi đánh giá chứng cứ, quyết định tội danh và hình phạt, hội thẩm căn cứ vào các quy định của pháp luật và ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa;

- Hội thẩm tự mình đề nghị không tham gia xét xử khi có căn cứ cho rằng họ không vô tư và khách quan.

- Việc nghị án được tiến hành bí mật và hội thẩm được quyền có ý kiến bảo lưu khi nghị án.

⁴ J.J. Rousseau (2018), *Bản về khế ước xã hội*, Hoàng Thanh Đạm dịch, Nxb. Thế giới, tr. 19.

⁵ United Nations, Những nguyên tắc cơ bản về tính độc lập của ngành tư pháp (Basic Principles on the Independence of the Judiciary) được thông qua tại Hội nghị của Liên hợp quốc về phòng chống tội phạm và đối xử với người phạm tội được tổ chức tại Milan từ ngày 26/8 đến ngày 06/9/1985. <https://www.ohchr.org/en/instruments-mechanisms/instruments/basic-principles-independence-judiciary>, truy cập 29/01/2024.

Sự độc lập của thẩm phán và hội thẩm là tổng hợp các phương tiện, biện pháp về xã hội, pháp luật, kinh tế, tổ chức nhằm hạn chế và ngăn chặn những tác động vào hoạt động xét xử. Sự độc lập đó được xem là sự độc lập trên thực tế đối với các yếu tố bên ngoài và những yếu tố chủ quan của hội thẩm và thẩm phán trong thực hiện nhiệm vụ xét xử⁶.

Hiến pháp năm 2013 quy định về nguyên tắc xét xử độc lập có nội dung mới là thẩm phán, hội thẩm độc lập trong mọi hoạt động của mình theo quy định của pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho tới khi kết thúc phiên toà. Đối với hội thẩm thì khi giải quyết các vụ án, không cơ quan, tổ chức hay người có chức vụ hoặc cá nhân nào có quyền can thiệp vào việc xét xử, ra lệnh cho hội thẩm phải xét xử theo yêu cầu của họ. Không yêu cầu hay đề nghị nào của những người khác có thể làm ảnh hưởng đến việc hội thẩm áp dụng đúng pháp luật theo đúng nội dung và tinh thần của điều luật đối với các tình tiết của vụ án cụ thể.

Thẩm phán và hội thẩm nhân dân phải có bản lĩnh nghề nghiệp để đưa ra các quyết định về vụ án khách quan, độc lập, không bị ảnh hưởng, ràng buộc bởi các ý kiến, quan điểm bên ngoài vụ án, dù có thể tham khảo ý kiến của các cơ quan chuyên môn trong quá trình xét xử. Hội đồng xét xử phải xem xét, thẩm tra, đánh giá chứng cứ và các tình tiết khác của vụ án một cách thận trọng, khoa học, toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà. Quyết định của toà án

chỉ được căn cứ vào những chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà⁷.

Thẩm phán cũng không được áp đặt ý kiến đối với hội thẩm khi xét xử. Theo quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 chỉ có thành viên hội đồng xét xử mới được tham gia nghị án, khi nghị án, hội thẩm biểu quyết trước, thẩm phán là người biểu quyết sau cùng (khoản 1 Điều 326). Các vấn đề của vụ án đều phải được giải quyết bằng biểu quyết và quyết định theo đa số. Người có ý kiến thiểu số có quyền trình bày ý kiến của mình bằng văn bản và được lưu trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, độc lập và chỉ tuân theo pháp luật là hai mặt thống nhất của một nguyên tắc cơ bản trong tố tụng mà hội thẩm phải thực hiện cùng lúc: “độc lập” là điều kiện cần thiết để thẩm phán và hội thẩm khi xét xử chỉ tuân theo pháp luật, còn “tuân theo pháp luật” là cơ sở không thể thiếu để thẩm phán và hội thẩm độc lập khi xét xử.

Nguyên tắc thứ hai: Khi xét xử, hội thẩm ngang quyền với thẩm phán.

Đây là một nguyên tắc được Hiến pháp quy định, thể hiện mối quan hệ giữa thẩm phán và hội thẩm trong xét xử trên bình diện quyền năng của mỗi người. Sự ngang quyền của hội thẩm và thẩm phán thể hiện tập trung nhất trong khi nghị án.

Pháp luật quy định một trình tự đặc biệt để thảo luận và ra bản án⁸. Theo quy trình

⁶ Trần Thị Thu Hằng (2018), tldd.

⁷ Khoản 3 Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: “*Khi nghị án chỉ được căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà*”.

⁸ Cụ thể tại khoản 1 Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình

đó, kiểm sát viên, người bào chữa, thư kí phiên toà và bất cứ người nào khác đều không được tham gia nghị án mà chỉ có thẩm phán và hội thẩm nhân dân. Việc biểu quyết được tiến hành theo đa số. Nếu không đồng ý với ý kiến của đa số, hội thẩm hoặc thẩm phán có thể ghi ý kiến bảo lưu. Thẩm phán tuyệt nhiên không áp đặt ý kiến đối với hội thẩm trong khi ra phán quyết cuối cùng về vụ án. Như vậy, hội thẩm nhân dân có địa vị pháp lí và vai trò rất quan trọng trong công tác xét xử, vì khi tham gia xét xử ở cấp sơ thẩm, hội thẩm chiếm đa số trong hội đồng xét xử (2/3 hoặc 3/5) và khi xét xử, hội thẩm ngang quyền với thẩm phán khi ra các phán quyết về vụ án. Khi xét xử, nếu ý kiến biểu quyết của các hội thẩm là giống nhau và chác với ý kiến của thẩm phán thì quyết định của hội đồng xét xử phải theo ý kiến của các hội thẩm (đa số), mặc dù là người xét xử có tính chất chuyên nghiệp thì thẩm phán cũng chỉ có quyền trình bày ý kiến của mình bằng văn bản và được lưu trong hồ sơ vụ án (khoản 1 Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015).

Nguyên tắc thứ ba: Toà án xét xử tập thể và quyết định theo đa số.

Việc xét xử ở các cấp toà án đều được thực hiện theo chế độ hội đồng (hội đồng xét xử) chứ không phải cá nhân thẩm phán hay hội thẩm. Chế độ “hội đồng” bảo đảm mọi quyết định của toà án đều được thông qua

theo nguyên tắc đa số, các thành viên ngang quyền với nhau. Nguyên tắc này được quy định tại khoản 4 Điều 103 Hiến pháp năm 2013. Theo nguyên tắc này, việc xét xử các vụ án ở mọi cấp (sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm) đều được thực hiện theo chế độ hội đồng (hội đồng xét xử) chứ không phải do một cá nhân (thẩm phán hoặc hội thẩm) tiến hành.

Nguyên tắc xét xử tập thể và quyết định theo đa số trong các thủ tục tố tụng có hội thẩm tham gia vừa là sự thể hiện tính chất dân chủ, vừa thể hiện tính chất đặc trưng của hoạt động xét xử: Việc phán quyết một vụ án phải do một tập thể chứ không phải do một cá nhân nào quyết định. Hội thẩm, với cương vị là một thành viên trong hội đồng xét xử, phải phát huy hết kinh nghiệm xã hội và kiến thức của mình, để quyết định của đa số thành viên trong hội đồng xét xử được đúng và chính xác.

3. Đánh giá bất cập của cơ chế nhân dân tham gia hoạt động xét xử tại toà án hiện nay

Chế định hội thẩm nhân dân đã được áp dụng hơn 70 năm, khẳng định giá trị, vai trò và những thành tựu mà hội thẩm nhân dân đã đạt được trong việc tham gia vào hoạt động xét xử của toà án. Tuy nhiên, trong thực tiễn, không ít bất cập đối với chế định này cần được nhận diện và đề xuất giải pháp khắc phục.

Thứ nhất, tính độc lập của hội thẩm nhân dân với thẩm phán chưa được đảm bảo
Một số quốc gia trên thế giới áp dụng mô hình bồi thẩm đoàn khi xét xử như Anh, Mỹ,

sự năm 2015 quy định về thẩm quyền nghị án vụ án hình sự như sau: “*Chỉ thẩm phán và hội thẩm mới có quyền nghị án. Việc nghị án phải được tiến hành tại phòng nghị án*”.

Australia, Canda, Bồ Đào Nha, Philippines, Hồng Kông (Trung Quốc). Bồi thẩm đoàn là một nhóm người được chọn theo luật, được trao quyền quyết định các vấn đề về tình tiết vụ án và quyết định đối với vụ án mà họ được giao⁹. Nhiệm vụ của bồi thẩm đoàn là tập hợp lại để thảo luận về các bằng chứng. Sau khi đạt được sự đồng thuận cần thiết, bồi thẩm đoàn sẽ đưa ra phán quyết của bồi thẩm đoàn là có tội hay không có tội trong một vụ án nhất định. Ở một số khu vực pháp lí, thẩm phán sẽ bổ nhiệm một người đứng đầu bồi thẩm đoàn. Một người đứng đầu đóng vai trò là người phát ngôn của bồi thẩm đoàn¹⁰. Bồi thẩm đoàn quyết định “questions of fact” (các vấn đề liên quan đến sự việc, tình tiết...). Như vậy, bồi thẩm đoàn có nhiệm vụ trả lời bốn câu hỏi: 1) Có sự kiện phạm tội hay không? 2) Nếu có, có liên quan đến người đang bị buộc tội hay không? 3) Nếu có sự kiện phạm tội và có liên quan đến người bị buộc tội thì có đáng bị đưa ra xét xử hay không? 4) Nếu bị đưa ra xét xử thì có đáng được khoan hồng hay không?¹¹ Nhìn

chung, bồi thẩm đoàn đóng vai trò thụ động trong xét xử, không đặt câu hỏi với thẩm phán, luật sư, công tố viên, bị cáo và các bên trong vụ án¹².

Như vậy, bồi thẩm đoàn không có trách nhiệm đưa ra phán quyết, quyết định “questions of law” - tức là các vấn đề pháp lí liên quan áp dụng điều khoản nào, luật nào, khung hình phạt ra sao... Trên cơ sở nhận định, quyết định của bồi thẩm đoàn thì thẩm phán mới có thể đưa ra các nhận định áp dụng pháp luật của mình. Tại Mỹ, ở cấp tòa án Liên bang, phán quyết của bồi thẩm đoàn được thông qua theo nguyên tắc đồng thuận tuyệt đối; ở cấp bang, nguyên tắc này chỉ được áp dụng cho những tội phạm nghiêm trọng nhất, các tội phạm khác thì mức độ đồng thuận có thể thấp hơn. Nếu bồi thẩm đoàn không ra được phán quyết thì có thể triệu tập bồi thẩm đoàn mới¹³.

⁹ *Black Law Dictionary*, xuất bản lần thứ 7, 1999, tr. 860. Nguyên văn tiếng Anh: “A jury is a body of men temporarily selected from the citizens of a particular district, and invested with power to present or indict a person for a public offense, or to try a question of fact”.

¹⁰ MacCoun, Robert J. (1989), “Experimental Research on Jury Decision-Making”, *Science*, vol. 244, no. 4908, p. 1046-50. JSTOR, <http://www.jstor.org/stable/1703992>, truy cập 30/01/2024.

¹¹ Pháp luật Liên bang Nga quy định bồi thẩm đoàn tham gia xét xử là theo yêu cầu của bị cáo. Bồi thẩm đoàn ở mỗi toà án gồm 12 người và được thành lập bằng cách bốc thăm. Khi tham gia xét xử, bồi thẩm đoàn phải giải quyết ba vấn đề chủ yếu

sau: 1) Hành vi phạm tội của bị cáo có thật hay không? 2) Có đúng bị cáo là người thực hiện hành vi phạm tội không? 3) Bị cáo có lỗi trong việc thực hiện hành vi đó hay không. Ngoài ra, bồi thẩm đoàn còn tham gia quyết định những vấn đề như khoan hồng, xác định các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ. Đối với mỗi vấn đề, bồi thẩm đoàn phải khẳng định là “có” hoặc “không”. UNDP (2010), *Nghiên cứu tổ chức và hoạt động của hệ thống tư pháp ở năm quốc gia: Trung Quốc, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc và Nga*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.

¹² Nguyễn Hoà Bình (2022), sđd, tr. 173.

¹³ Nguyễn Hoà Bình (2021), “Đổi mới và hoàn thiện cơ chế nhân dân tham gia hoạt động xét xử tại tòa án, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn mới”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, https://tapchi.congsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK3lGf/content/doi-moi-va-hoan-thien-co-che-nhan-dan-tham-gia-hoat-dong-xet-xu-tai-toa-an-dap-ung-yeu-cau-cai-cach-tu-phap-trong-giai-doan

Trong khi đó, theo quy định của pháp luật Việt Nam, hội thẩm nhân dân và thẩm phán độc lập và đều có trách nhiệm đưa ra phán quyết. Điều đó là vượt quá khả năng của hội thẩm nhân dân. Vì thế, hội thẩm nhân dân thường bị lệ thuộc vào ý kiến của thẩm phán do kiến thức pháp luật của họ chưa đủ sâu hoặc chưa có đủ nhiều kinh nghiệm xét xử. Có những hội thẩm khi tham gia xét xử thì ngồi im lặng từ đầu đến cuối phiên toà hoặc do không nắm vững hồ sơ cũng như các tình tiết của vụ án nên đã đặt ra những câu hỏi lạc lõng, xa rời nội dung vụ án¹⁴. Pháp luật cũng có những quy định nhằm hạn chế sự “dẫn dắt”, “áp đặt” của thẩm phán lên ý kiến của hội đồng xét xử nhưng trong thực tế, một số hội thẩm có tư tưởng lệ thuộc vào ý kiến của thẩm phán, nhất là trong việc đánh giá, nhận định và đưa ra phán quyết¹⁵. Vô hình trung, mặc dù được trao quyền nhưng họ lại khó có thể thực hiện được nhiệm vụ một cách hiệu quả và làm mất tính độc lập của mình trong hội đồng xét xử¹⁶.

Thứ hai, các quy định của pháp luật đối với trách nhiệm của hội thẩm nhân dân chưa cụ thể và phù hợp

Trong toàn bộ quá trình tố tụng, hội thẩm

nhân dân ngang quyền với thẩm phán. Tuy nhiên, pháp luật không quy định cụ thể hội thẩm phải nghiên cứu hồ sơ trong bao lâu, trách nhiệm cụ thể của hội thẩm phải tuân thủ quy định này như thế nào. Pháp luật cũng chưa có chế tài cụ thể đối với trường hợp hội thẩm từ chối tham gia xét xử mà không có lí do chính đáng, dễ dẫn đến tình trạng đến ngày mở phiên toà hội thẩm vắng mặt đột xuất, làm cho phiên toà phải trì hoãn nhiều lần do không có hội thẩm thay thế hoặc hội thẩm từ chối tham gia xét xử dù đã được mời nhiều lần¹⁷. Thêm vào đó, với việc quy định điều kiện chung chung của hội thẩm nhân dân là “có kiến thức pháp luật” thì việc các hội thẩm không đủ kiến thức để đánh giá sự việc là điều dễ hiểu. Trong khi kiến thức pháp luật, kĩ năng chuyên môn nghiệp vụ, điều kiện làm việc giữa hội thẩm và thẩm phán vẫn còn khác nhau quá lớn thì việc thực hiện nguyên tắc “ngang quyền” và quyết định theo đa số của hội thẩm khi tham gia xét xử nhiều khi chỉ mang tính hình thức. Đối với những vụ án phức tạp, tài liệu nhiều thì hội thẩm khó có thể nghiên cứu hết các thông tin trong hồ sơ nên khi xét xử, ngại thẩm phán hoặc không dám tranh luận với thẩm phán khi nghị án¹⁸. Đây là trở ngại khách quan, gây ra nhận thức không đúng của một số người, coi sự tham gia của hội thẩm chỉ mang tính hình thức. Chưa kể, đối

moi, truy cập 10/01/2024.

¹⁴ Bảo Thắng (2013), “Hội thẩm nhân dân, chuẩn hoá hay rút bớt quyền?,” *Báo Tiền phong online*, <https://tienphong.vn/hoi-tham-nhan-dan-chuan-hoa-hay-rut-bot-quyen-post615032.tpo>, truy cập 10/01/2024.

¹⁵ Báo cáo số 20/BC-TANDTC ngày 21/7/2021 của Toà án nhân dân tối cao về tổng kết công tác hội thẩm nhiệm kì 2016 - 2021, tr. 19

¹⁶ Báo cáo số 20/BC-TANDTC ngày 21/7/2021 của Toà án nhân dân tối cao về tổng kết công tác hội thẩm nhiệm kì 2016 - 2021, tr. 19.

¹⁷ Nguyễn Hoà Bình (2022), sđd, tr. 47.

¹⁸ Trần Thị Thu Hằng (2019), *Địa vị pháp lí của hội thẩm ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, tr. 119.

với các vụ án phức tạp, phải chịu áp lực lớn từ bên ngoài còn khiến hội thẩm e ngại, sợ trách nhiệm, thiếu tự tin khi đưa ra quan điểm riêng của mình¹⁹.

Các quy định về hội thẩm hiện nay còn nằm rải rác ở nhiều văn bản pháp luật mà chưa có văn bản luật riêng để điều chỉnh. Cụ thể, hiện nay các chế định hội thẩm được quy định trong Luật Tổ chức toà án nhân dân năm 2014, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật Tố tụng hành chính năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Luật Tổ chức toà án nhân dân năm 2014 quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ của hội thẩm, thủ tục bầu, cử, miễn nhiệm, nhiệm kì, chế độ chính sách của hội thẩm. Hội thẩm nhân dân thực hiện nhiệm vụ xét xử những vụ án thuộc thẩm quyền của toà án nhân dân theo phân công của chánh án toà án nơi được bầu làm hội thẩm nhân dân (Điều 84 Luật Tổ chức toà án nhân dân năm 2014). Tuy nhiên, hội thẩm nhân dân không thuộc chức danh tư pháp do toà án quản lí nên việc quy định chế định hội thẩm nhân dân trong Luật Tổ chức toà án nhân dân cũng không hợp lí, dễ dẫn đến nhận thức không đúng về vai trò đại diện cho nhân dân của hội thẩm trong việc tham gia xét xử tại toà án.

Thứ ba, sự đa dạng về thành phần của hội thẩm nhân dân còn mang nặng tính hình thức, dẫn đến chất lượng hội thẩm không cao

Tư duy hội thẩm nhân dân cần sự đa dạng, đại diện cho các ngành, các giới, các

thành phần... để hướng tới sự đại diện cho bị cáo hay đương sự, gắn với sự thấu hiểu. Bởi lẽ hội thẩm mang tới hội đồng xét xử tiếng nói của lẽ công bằng, quan niệm đạo đức chung của xã hội, những sự nhận xét, đánh giá chung của các tầng lớp nhân dân về hành vi phạm tội, về tính chất của các tranh chấp dân sự, kinh tế... với những ý niệm công bằng, nghiêm minh, thiện, ác, đúng, sai. Hội đồng nhân dân các cấp bầu ra hội thẩm, đảm bảo sự đại diện đa dạng về thành phần. Tuy nhiên, thực tế cho thấy ở nhiệm kì 2016 - 2021, hội thẩm nhân dân là cán bộ, công chức, viên chức đang công tác có 14.004 người, chiếm tỉ lệ 82,80%; hội thẩm nhân dân là người đã nghỉ hưu có 2.901 người, chiếm tỉ lệ 17,15%; hội thẩm nhân dân là người dân, chưa từng tham gia các tổ chức, cơ quan, đoàn thể của nhà nước chỉ có 8 người, chiếm 0,05%²⁰. Đại đa số hội thẩm là người đang hoặc đã công tác trong các cơ quan nhà nước bởi lẽ các đối tượng này đáp ứng được các tiêu chuẩn làm hội thẩm, đặc biệt là có kiến thức pháp luật, được quản lí và sử dụng bởi các cơ quan, tổ chức... Tuy nhiên, điều này dẫn tới tính đại diện của nhân dân trong thành phần hội thẩm chưa đầy đủ.

Hơn nữa, nhiều hội thẩm được bầu vào danh sách nhưng không tham gia xét xử. Có người trong suốt nhiệm kì không tham gia xét xử vụ án nào hoặc tham gia rất ít (dưới 5 vụ), trong khi đó có những hội thẩm lại tham

¹⁹ Trần Thị Thu Hằng (2019), tldd, tr. 119.

²⁰ Báo cáo số 20/BC-TANDTC ngày 21/7/2021 của Toà án nhân dân tối cao về Tổng kết công tác hội thẩm nhiệm kì 2016 - 2021, tr. 10.

gia xét xử thường xuyên (trên 200 vụ, trên 305 vụ, 450 vụ trong một nhiệm kì)²¹. Điều đó làm giảm tính đại diện của nhân dân trong hoạt động xét xử tại toà án. Do điểm hạn chế là với một danh sách các hội thẩm theo nhiệm kì tại mỗi toà án, hội thẩm nhân dân dần trở thành những “gương mặt thân quen”, trở nên chuyên nghiệp hoá (về mặt lí thuyết) và hình thức hoá (về mặt thực tế), khó đảm bảo thể hiện đầy đủ các mục tiêu/các triết lí dẫn đến sự hiện diện của nhân dân trong xét xử²².

Thứ tư, chế độ, chính sách đối với hội thẩm chưa phù hợp, chưa tương xứng với vị trí, vai trò của hội thẩm

Mức phụ cấp phiên toà cho hội thẩm là 90.000 đồng/ngày²³. Trong điều kiện sinh hoạt hiện nay, khi mức lương tối thiểu của công chức, viên chức đã được điều chỉnh tăng lên thì mức phụ cấp cho hội thẩm như vậy là quá thấp. Hơn nữa, đối với hội thẩm không phải là công chức nhà nước, trong khi làm nhiệm vụ của toà án nếu gặp rủi ro, tai nạn thì cần quy định cho họ được hưởng chế độ bảo hiểm nhất định giống như đối với công chức nhà nước.

²¹ Báo cáo số 20/BC-TANDTC ngày 21/7/2021 của Toà án nhân dân tối cao về Tổng kết công tác hội thẩm nhiệm kì 2016 - 2021, tr. 19.

²² Quán Thị Ngọc Thảo, Lê Lan Chi (2018), “Về sự tham gia của đại diện nhân dân trong hoạt động xét xử”, *Tạp chí Toà án nhân dân điện tử*, <https://tapchitoaan.vn/ve-su-tham-gia-cua-dai-dien-nhan-dan-trong-hoat-dong-xet-xu>, truy cập 08/12/2023.

²³ Quy chế tổ chức và hoạt động của đoàn hội thẩm (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 1213/2016/UBTVQH13 ngày 13/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khoá XIII).

Bên cạnh đó, cần quy định thống nhất trang phục cho hội thẩm và trích một phần kinh phí ngân sách để may trang phục cho họ để các thành viên của hội đồng xét xử có trang phục thống nhất và nghiêm nghị, thể hiện sự tôn nghiêm của phiên toà.

4. Một số đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện cơ chế hội thẩm nhân dân tham gia hoạt động xét xử tại toà án ở Việt Nam

Một trong các nhiệm vụ trọng tâm mà Nghị quyết số 27 xác định là: “*Đẩy mạnh cải cách tư pháp, bảo đảm tính độc lập của toà án theo thẩm quyền xét xử, thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*”. Đề chế định hội thẩm nhân dân thực sự phát huy hiệu quả và thể hiện vai trò đại diện tiếng nói của nhân dân trong hoạt động xét xử tại toà án, hướng đến xây dựng mô hình tổ tụng là trung tâm, xây dựng nền tư pháp độc lập theo tinh thần Nghị quyết số 27, một số giải pháp sau cần được nhận diện và thực hiện đồng bộ.

Thứ nhất, nghiên cứu thí điểm mô hình hội thẩm đoàn

Hội thẩm đoàn là thiết chế mới cần bổ sung để nâng cao chất lượng và tăng thêm sự tham gia của nhân dân trong các vụ án hình sự nghiêm trọng. Đối với các vụ án hình sự mà bị can, bị cáo bị truy tố, xét xử về tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, việc xét xử được thực hiện với sự tham gia của cả hai chế định: hội đồng xét xử và hội thẩm đoàn. Theo đó, hội đồng xét xử bao gồm thẩm phán và hội thẩm nhân dân như quy định của pháp luật hiện hành. Hội thẩm đoàn sẽ có trách nhiệm tham vấn đối với hội đồng xét xử, cho ý kiến về bốn câu hỏi: Có hành

vi phạm tội xảy ra hay không? Bị cáo có là người thực hiện hành vi phạm tội hay không? Tính có lỗi của hành vi phạm tội và nếu bị cáo có tội thì có đáng được hưởng khoan hồng hay không? Với trách nhiệm này, hội thẩm đoàn có chức năng giống với các quốc gia duy trì mô hình bồi thẩm đoàn. Theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, hội thẩm nhân dân còn tham gia ở khâu nghị án cùng thẩm phán, trong khi trách nhiệm của hội thẩm đoàn chỉ dừng lại ở khâu tham vấn với hội đồng xét xử.

Xây dựng thí điểm chế định hội thẩm đoàn cần xem xét ba tiêu chí: 1) Tạo cơ chế lựa chọn mang tính khách quan, bình dân, phổ thông vào danh sách ứng viên làm thành viên hội thẩm đoàn; 2) Danh sách thành viên hội thẩm đoàn được lựa chọn bằng cách rút thăm ngẫu nhiên, không chỉ định trước hoặc chỉ lựa chọn những hội thẩm “biết nghe lời” thẩm phán. Chánh án tòa án chọn ngẫu nhiên các thành viên hội thẩm đoàn từ danh sách hội thẩm và ra quyết định thành lập hội thẩm đoàn với số lượng theo quy định đối với từng vụ án.

Thứ hai, nghiên cứu đổi mới cơ cấu, thành phần hội thẩm trong hội đồng xét xử theo quy định hiện hành

Theo Điều 254 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, hội đồng xét xử sơ thẩm gồm một thẩm phán và hai hội thẩm. Trường hợp vụ án có tính chất nghiêm trọng, phức tạp thì hội đồng xét xử sơ thẩm có thể gồm hai thẩm phán và ba hội thẩm. Đối với vụ án có bị cáo về tội mà Bộ luật Hình sự quy định mức cao nhất của khung hình phạt là tù chung thân, tử hình thì hội đồng xét xử sơ thẩm gồm hai

thẩm phán và ba hội thẩm. Thành phần hội đồng xét xử như quy định hiện nay cho thấy, hội thẩm chiếm đa số trong thành phần xét xử nhưng nhiều người lại không được đào tạo bài bản về pháp luật, trang bị kỹ năng, nghiệp vụ xét xử và không có thời gian nghiên cứu hồ sơ như thẩm phán, nên có thể dẫn đến việc đưa ra các phán quyết chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, khi điều kiện cho phép, cần nghiên cứu cơ cấu lại thành phần hội đồng xét xử theo hướng tăng số lượng thẩm phán, giảm số lượng hội thẩm nhân dân sẽ vừa đảm bảo tính đại diện của nhân dân trong khi xét xử, đồng thời tăng tính chuyên môn cho hội đồng, đảm bảo các bản án, quyết định được nêu ra chính xác và khách quan nhất.

Cần mở rộng cơ cấu thành phần, đối tượng tham gia hội thẩm nhân dân nhằm bảo đảm hội thẩm thực sự là người đại diện cho nhân dân, tạo cơ hội cho hội thẩm nhân dân được quyền tham gia bày tỏ ý kiến với tư cách là một người dân tham gia vào quá trình xét xử, để đưa ra kết luận có tội hay không có tội, đúng hay sai. Vai trò của hội thẩm sẽ kết thúc ở giai đoạn này, còn thẩm phán sẽ là người chịu trách nhiệm đảm bảo về mặt pháp lý trong quá trình xét xử và ra bản án.

Ngoài ra, ngành toà án cần đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn hội thẩm (ban hành kèm theo Nghị quyết số 1213/2016/UBTVQH13 ngày 13/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIII), xây dựng bộ quy tắc về đạo đức của hội thẩm nhân dân, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

của hội thẩm khi tham gia xét xử một số loại vụ án đặc thù, kể cả nghiệp vụ xét xử bằng hình thức trực tuyến và mô hình toà án điện tử sau này.

Thứ ba, tăng cường trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của hội thẩm khi tham gia xét xử một số loại vụ án đặc thù.

Các hội thẩm cần được lựa chọn đa dạng từ các chuyên ngành khác nhau, để khi tham gia vào một số vụ án đặc thù như tài chính - ngân hàng, xây dựng, y tế... hội thẩm có thể bổ sung những kiến thức này cho thẩm phán và cùng thẩm phán đưa ra các phán quyết, quyết định đúng đắn. Cần tiếp tục tăng cường thực hiện và nâng cao chất lượng các khoá đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng, nghiệp vụ cho hội thẩm ngay sau khi được bầu. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên và theo chuyên đề cho hội thẩm với các mục tiêu về kiến thức, hiểu biết về hệ thống pháp luật; kỹ năng nghiên cứu hồ sơ; kỹ năng xét hỏi của hội thẩm trong phiên toà sơ thẩm xét xử vụ án hình sự, dân sự, hành chính; kỹ năng đánh giá chứng cứ. Đồng thời, tổ chức rút kinh nghiệm sau mỗi phiên toà có sự tham gia đầy đủ của các hội thẩm.

Thứ tư, hoàn thiện chế độ, chính sách cho hội thẩm nhân dân tham gia phiên toà

Chế độ bồi dưỡng cho hội thẩm nhân dân tham gia phiên toà được quy định tại Quyết định số 41/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng đối với người tham gia phiên toà, phiên họp giải quyết vụ việc dân sự. Qua 10 năm thực hiện, với 06 lần Nhà nước điều chỉnh lương cơ sở từ 830.000 đồng năm 2012 lên 1.800.000 đồng như hiện nay

nhưng mức chi bồi dưỡng đối với người tham gia phiên toà, phiên họp giải quyết vụ việc dân sự, trong đó có hội thẩm nhân dân vẫn không thay đổi, như vậy là không còn phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước và thực tiễn thi hành công vụ của hệ thống toà án. Hơn nữa, pháp luật quy định, khi tham gia xét xử, hội thẩm ngang quyền với thẩm phán nhưng một số chế độ của thẩm phán như phụ cấp công vụ, phụ cấp trách nhiệm nghề thì hội thẩm lại không được hưởng cũng là không hợp lý. Hiện nay, thực hiện Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khoá XV, Toà án nhân dân tối cao chủ trì xây dựng và đang nghiên cứu đề đưa vấn đề chế độ bồi dưỡng hội thẩm nhân dân vào nội dung xây dựng Pháp lệnh. Theo kế hoạch, Pháp lệnh về chi phí tổ tụng đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến tại phiên họp thứ 28 ngày 13/12/2023 và dự kiến trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong năm 2024²⁴.

Trong thực tế, một số hội thẩm bị các đối tượng đe dọa, trả thù, thậm chí là đe dọa cả những người thân của họ,²⁵ trong khi đó pháp luật lại chưa có quy định bảo vệ đối với tính mạng, tài sản của hội thẩm và gia đình họ ngoài thời gian tham gia xét xử. Do đó, để hội thẩm yên tâm thực hiện nhiệm vụ xét xử, đặc biệt là xét xử những vụ án lớn, vụ án

²⁴ <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=83155>, truy cập 10/01/2024.

²⁵ Trần Thị Thu Hằng (2018), t.lđd.

có bị cáo là đối tượng nguy hiểm cần có những quy định về việc bảo vệ đối với hội thảm và người thân của họ.

Thứ năm, xây dựng Luật Hội thảm nhân dân phù hợp với quy định trong Hiến pháp năm 2013.

Các nội dung cơ bản nhất về chế định hội thảm phải được quy định rõ ràng trong Luật về hội thảm nhân dân, cụ thể: 1) những quy định chung về hội thảm, quy định về tuyên thệ của hội thảm; 2) về tiêu chuẩn hội thảm, quy trình lựa chọn và thành lập hội thảm, thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm hội thảm; 3) nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của hội thảm, đó là các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về tố tụng (Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật Tố tụng hành chính năm 2015); 4) các biện pháp bảo vệ đối với hội thảm và các thành viên trong gia đình hội thảm; 5) về quản lý hội thảm...

Đồng thời, Luật này phải thể chế hoá rõ ràng về vị trí độc lập của hội thảm khi thực hiện xét xử, không bị chi phối hoặc bị ràng buộc bởi thẩm phán của tòa án trong quá trình xét xử vụ án, đảm bảo nguyên tắc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật góp phần giữ gìn kỉ cương xã hội, không để các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức xã hội và Nhà nước bị xâm phạm./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. J.J. Rousseau (2018), *Bàn về khế ước xã hội*, Hoàng Thanh Đạm (dịch), Nxb. Thế giới, Hà Nội.

2. Nguyễn Hoà Bình (2021), “Đổi mới và hoàn thiện cơ chế nhân dân tham gia hoạt động xét xử tại tòa án, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn mới”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, https://tapchiconsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hnp4dK31Gf/content/doi-moi-va-hoan-thien-co-che-nhan-dan-tham-gia-hoat-dong-xet-xu-tai-toa-an-dap-ung-yeu-cau-cai-cach-tu-phap-trong-giai-doan-moi
3. Nguyễn Hoà Bình (2022), *Đổi mới và hoàn thiện cơ chế nhân dân tham gia hoạt động xét xử tại tòa án, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Nxb. Chính trị Quốc gia-Sự thật, Hà Nội.
4. Quán Thị Ngọc Thảo, Lê Lan Chi (2018), “Về sự tham gia của đại diện nhân dân trong hoạt động xét xử”, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, <https://tapchitoaan.vn/ve-su-tham-gia-cua-dai-dien-nhan-dan-trong-hoat-dong-xet-xu>
5. Trần Thị Thu Hằng (2018), “Nguyên tắc thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật - Thực tiễn thực hiện và kiến nghị”, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, <https://tapchitoaan.vn/nguyen-tac-tham-phan-hoi-tham-xet-xu-doc-lap-va-chi-tuan-theo-phap-luat-thuc-tien-thuc-hien-va-kien-nghi>
6. Trần Thị Thu Hằng (2019), *Địa vị pháp lý của hội thảm ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.